TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN G** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 311/2025/DS–ST
Ngày: 16-6-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Mai Lan

Bà Nguyễn Thị Liễu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025 tại Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1259/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2025/QĐXXST–DS ngày 24 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 195/2025/QĐST–DS ngày 22 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT; Địa chỉ trụ sở: Số A, đường Nam Kỳ Khởi N, phường Võ Thị S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện hợp pháp: Ông Quách T; Địa chỉ: Số C đường Kha Vạn C, phường Linh Đ, thành phố Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; Văn bản ủy quyền ngày 08/10/2024. (Vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà Trần Ngọc Phương U; Địa chỉ: Số C đường số X, Phường Y, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT có người đại diện hợp pháp ông Quách T trình bày:

Ngày 23/3/2023, bà Trần Ngọc Phương U có ký với Ngân hàng TMCP SGTT (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT - gọi chung là hợp đồng), hạn mức tín dụng là 25.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất tại thời điểm làm thẻ là 33,20%/năm. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà U đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 102.389.627 đồng.

Bà U đã sử dụng 04 khoản chi tiết sau:

Vay tiêu dùng trên ứng dụng Sacombank Pay, ngày vay 25/4/2023, số tiền vay 22.000.000 đồng, lãi suất vay theo dư nợ ban đầu 1,4%/tháng, nợ quá hạn sẽ chuyển sang dư nợ thực tế lãi suất 2,652%/tháng x 150%= 3,978%/tháng, lãi/phí 8.654.480 đồng, đã thanh toán 19.892.890 đồng. Tính đến ngày 16/6/2025, nợ gốc 7.971.110 đồng, lãi quá hạn 2.790.480 đồng.

Vay tiêu dùng trên ứng dụng Sacombank Pay, ngày vay 25/3/2024, số tiền vay 10.000.000 đồng, lãi suất vay theo dư nợ ban đầu 1,4%/tháng, nợ quá hạn sẽ chuyển sang dư nợ thực tế lãi suất 2,544%/tháng x 150%= 3,816%/tháng, lãi/phí 4.328.872 đồng, đã thanh toán 2.280.000 đồng. Tính đến ngày 16/6/2025, nợ gốc 9.020.000 đồng, lãi quá hạn 3.028.872 đồng.

Vay tiêu dùng trên ứng dụng Sacombank Pay, ngày vay 25/10/2023 và 25/5/2024, số tiền vay 13.000.000 đồng, lãi suất vay theo dư nợ ban đầu 1,4%/tháng, nợ quá hạn sẽ chuyển sang dư nợ thực tế lãi suất 2,45%/tháng x 150%= 3,675%/tháng, lãi/phí 3.839.688 đồng, đã thanh toán 6.504.000 đồng. Tính đến ngày 16/6/2025, nợ gốc 10.335.688 đồng, lãi quá hạn 2.525.688 đồng.

Giao dịch qua thẻ từ ngày 10/4/2023 đến ngày 10/7/2024, tổng số tiền giao dịch 57.389.627 đồng, lãi suất theo dư nợ thực tế 2,766%/tháng, lãi suất quá hạn 2,766%/thángx 150%= 4,149%/tháng, lãi/phí 1.978.106 đồng, đã thanh toán 55.168.871 đồng. Tính đến ngày 16/6/2025, nợ gốc 3.064.228 đồng, lãi quá hạn 1.134.634 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, tính đến ngày 25/5/2024 bà U đã thanh toán số tiền 83.845.761 đồng. Từ ngày 26/5/2024 Ngân hàng nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng bà U không có thiện chí trả nợ. Bà U vi phạm nghĩa vụ thanh toán Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng, ngày 25/9/2024, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng).

Tính đến ngày 16/6/2025, bà U còn nợ 37.345.012 đồng, trong đó: Nợ gốc 27.865.338 đồng, lãi quá hạn 9.479.674 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở, bà U vẫn không có thiện chí trả nợ. Ngân hàng TMCP SGTT yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà U phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/6/2025 là 37.345.012 đồng, trong đó: Nợ gốc 27.865.338 đồng, lãi quá hạn 9.479.674 đồng.

Bà U phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 17/6/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Toà án đã tiến hành thủ tục tống đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập tham gia phiên toà đối với bị đơn là bà U nhưng bà U đều vắng mặt không có lý do.

Do bà U vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Quách T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà U vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT khởi kiện bà Trần Ngọc Phương U phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Bà U có nơi cư trú tại quận G nên vụ

án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân quận G tiến hành thủ tục tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bà U theo đúng quy định tại Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà U đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có người đại diện hợp pháp ông Quách T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi vấn đề đương sự có yêu cầu, những vấn đề liên quan đến vụ án đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*. Trong vụ án này, bị đơn bà U vắng mặt, không đến tòa, coi như đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình nên Tòa án xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Ngân hàng yêu cầu bà U thanh toán ngay số tiền nợ tính đến ngày 16/6/2025 là 37.345.012 đồng, trong đó: Nợ gốc 27.865.338 đồng, lãi quá hạn 9.479.674 đồng; Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT), cùng lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đủ cơ sở xác định Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho bà U, hạn mức tín dụng là 25.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất tại thời điểm làm thẻ là 33,20%/ năm.

Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà U đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 102.389.627 đồng. Do bà U vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 25/9/2024, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 27.865.338 đồng thành nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại là phù hợp với Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của

Ngân hàng TMCP SGTT. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 16/6/2025, tiền lãi quá hạn là 9.479.674 đồng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà U phải thanh toán số nợ 37.345.012 đồng, trong đó: Nợ gốc 27.865.338 đồng, lãi quá hạn 9.479.674 đồng hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[2.3] Ngân hàng yêu cầu bà U còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 17/6/2025 theo mức lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.867.251 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, trả lại 707.826 đồng tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[4] Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 5, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40, Điều 91, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 4, Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Luật phí và lệ phí;

Luật thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Bà Trần Ngọc Phương U có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT số tiền còn nợ tính đến ngày 16/6/2025 là 37.345.012 đồng, trong đó: Nợ gốc 27.865.338 đồng, lãi quá hạn 9.479.674 đồng theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 23/3/2023 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP SGTT).

Kể từ ngày 17/6/2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Ngọc Phương U phải nộp 1.867.251 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 707.826 đồng theo Biên lai thu số 0015000 ngày 04/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận G;
- Chi cục THADS quận G;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng Cúc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
		Trần Thị Hồng Cúc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
		Trần Thị Hồng Cúc